

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

V/v: Ly hôn giữa bà H và ông Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số nhà 10/16 đường Phạm Phú Th, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Phạm Công Th**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số nhà 10/16 đường Phạm Phú Th, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà H có mặt; ông Th vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Công Th kết hôn với nhau lần đầu vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không có sự đồng cảm và chia sẻ với nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm làm tổn thương nhau, mặt khác giữa bà và bố mẹ chồng cũng không có sự hòa thuận nên bà và ông Th quyết định ly hôn vào năm 2010 và đã được Tòa án nhân dân thành phố B ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2010/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2010. Sau khi ly hôn một thời gian bà và ông Th đã suy nghĩ lại vì các con và quyết định trở về chung sống với nhau, hai bên đi đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/05/2015. Nhưng khi tiếp tục về chung sống với nhau thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, những bất đồng, cãi vã, xúc phạm nhau ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn sự tôn trọng nhau. Bà H rất mệt mỏi về tinh thần và thấy hạnh phúc vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Th, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Hiện nay con chung tên Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/9/2000 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Bà H đề nghị được nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Đồng G, sinh ngày 02/5/2004 và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Công Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống và đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau nên đã ly hôn vào năm 2010. Ông và bà H đã được Tòa án nhân dân thành phố B ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2010/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2010. Sau khi ly hôn thì ông và bà H đã có thời gian suy nghĩ lại, cả hai mong muốn gia đình về đoàn tụ để nuôi dạy các con nên ông và bà H đã quyết định tiếp tục về chung sống và đi đăng ký kết hôn lại tại UBND phường 2 vào ngày 14/5/2015. Tuy nhiên sau khi về chung sống thì những mâu thuẫn trước đây lại tiếp diễn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không thể hàn gắn được. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai hỏi han, quan tâm gì đến nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà H trình bày là đúng. Hiện nay con chung tên Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/9/2000 đã trên 18 tuổi nên không

yêu cầu giải quyết. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì theo nguyện vọng của con muốn sống với bà H nên ông đồng ý giao con chung Phạm Nguyễn Đồng G, sinh ngày 02/5/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận; Về con chung: giao con chung Phạm Nguyễn Đồng G, sinh ngày 02/5/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Bà H và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: Bà H phải chịu án phí DSST theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Công Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Công Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông Th có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, giữa vợ chồng không có sự đồng cảm và chia sẻ với nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà H và ông Th đã từng ly hôn vào năm 2010, sau đó đăng ký kết hôn lại vào năm 2015 và tiếp tục chung sống nhưng những mâu thuẫn trước đây cứ tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn. Tuy sống chung một nhà nhưng bà H và ông Th không ai quan tâm hỏi han gì nhau. Tại phiên tòa bà H vẫn kiên quyết xin được

ly hôn với ông Th vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà H và ông Th thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ.

[2]. Về con chung: Xem xét yêu cầu nuôi con chung của bà H thấy rằng bà H và ông Th có 02 con chung, cháu Phạm Văn Tr, sinh ngày 21/9/2000 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Bà H đề nghị được nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Đồng G. Xét nguyện vọng của cháu Giao mong muốn được sống với mẹ nên giao con tên Phạm Nguyễn Đồng G, sinh ngày 02/5/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông Th và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Th và bà H đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Công Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Đồng G, sinh ngày 02/5/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà H và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Th và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Th và bà H đều khai không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002698 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường 2, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền

